

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 205/2024/HS-ST
Ngày: 30/9/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và ông Ngô Xuân Dệt.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhó.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 196/2024/TLST- HS ngày 17 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2024 với bị cáo:

Lê Sơn T (Tên gọi khác: Q), sinh ngày 03 tháng 4 năm 1989; tại Gia Lai; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: 30 A, tổ C, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn S, sinh năm 1946 và bà: Trần Thị C, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân nhân: Tại Bản án số 105/2021/HSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử tuyên phạt 01 năm tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự); chấp hành án tại Trại giam G. Đến ngày 13/5/2022, chấp hành xong hình phạt tù và đã thi hành xong nộp án phí (lần bị kết án này, bị can đã được xóa án tích).

Bị cáo Lê Sơn T bị tạm giữ từ ngày 05/6/2024 đến ngày 14/6/2024, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người chứng kiến: Trần Xuân C1, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ F, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. **(Vắng mặt).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Sơn T sử dụng ma túy từ khoảng thời gian năm 2011. Thông qua bạn bè ngoài xã hội, T có được số điện thoại của một người tên T1 ở Kon Tum (không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể) có bán ma túy. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên sáng ngày 02/6/2024, T đã gọi điện thoại cho T1 hỏi mua 400.000 đồng ma túy (loại Methamphetamine) T1 đồng ý và T đã gửi cho T1 số tiền 400.000 đồng qua xe khách (không rõ hãng xe) chạy tuyến Gia Lai - Kon Tum. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T nhận được cuộc gọi của một người đàn ông (không rõ họ tên, nhân thân và lai lịch) giới thiệu là nhân viên của xe khách chạy tuyến Kon Tum - Gia Lai, nói T ra đường P, thành phố P để nhận hàng. Sau đó, T đi bộ ra đường P (khu vực gần ngã ba Hoa Lư, thành phố P) và đã nhận được 01 gói hàng bên trong có 01 gói nilon chứa ma túy. Sau khi nhận được ma túy, T mang về nhà tại số C đường N, Tổ C, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến tối ngày 04/6/2024, T đã dùng ống hút nhựa phân chia số ma túy mua được thành 03 gói nhỏ và đã lấy một ít ma túy ra sử dụng; 03 gói ma túy này, T cất giấu trong túi áo khoác mặc trên người rồi nhờ một người bạn (không rõ họ tên, nhân thân và lai lịch) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở đến đường C, thành phố P. Khi đi đến đường C thì T xuống xe đi bộ, còn bạn của T đi đâu không rõ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút ngày 04/6/2024, khi T đang đứng tại khu vực trước số nhà E đường C, thuộc Tổ F, phường H, thành phố P, để tìm nơi sử dụng ma túy thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G phối hợp với lực lượng Cảnh sát điều tra thành phố P phát hiện, bắt quả tang; Cơ quan điều tra đã thu giữ trong túi áo của Lê Sơn T, gồm: 02 gói nilon màu trắng đục bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã niêm phong theo quy định); 01 gói nilon màu trắng trong suốt bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể (đã niêm phong theo quy định) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, mặt trước màu đen, mặt sau màu vàng cát, đã bị rạn vỡ, kèm thẻ sim (mặt sau sim có dãy số 8401-2108-5038-2157). Qua xét nghiệm, xác định: Lê Sơn T dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản Kết luận giám định số 580/KLGD ngày 14/6/2024 của phòng K - Công an tỉnh G, kết luận: “*Chất màu trắng dạng tinh thể trong 03 gói nilon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục Mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,9640 gam*”.

Tại bản Cáo trạng số: 208/CT-VKS, ngày 16/9/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PleiKu đã truy tố bị cáo: Lê Sơn T ra trước Tòa án nhân dân thành phố PleiKu để xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Sơn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo mà bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo tù: 02(hai) năm đến 02(hai) năm 03(ba) tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo T không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật. Vật chứng vụ án đã thu giữ của bị cáo, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn trả sau khi giám định, không còn giá trị sử dụng là 01(một) bì công văn ghi số 580/PC09 ngày 14/6/2024 có dấu niêm phong của phòng kỹ thuật Công an tỉnh G; riêng đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, mặt trước màu đen, mặt sau màu vàng cát, đã bị rạn vỡ, kèm thẻ sim bị cáo T đã sử dụng để làm phương tiện liên lạc mua ma túy, đề nghị tịch thu sung công.

Bị cáo Lê Sơn T đã nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét sự vắng mặt người chứng kiến tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Sơn T tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Bị cáo Lê Sơn T là người có sử dụng chất ma túy, vào khoảng 14 giờ ngày 02/6/2024, tại khu vực đường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, bị cáo T đã nhận được 01 gói ma túy của T1 gửi qua xe khách. Sau đó, bị cáo T đem gói ma túy về nhà và phân ra thành 03 gói nhỏ, với mục đích để sử dụng và bị cáo T đã sử dụng một ít. Đến 22 giờ 30 phút ngày 04/6/2024, khi bị cáo T mang theo trong người 03 gói ma túy và đứng tại khu vực trước số nhà E đường C, thuộc Tổ F, phường H, thành phố P, để tìm nơi sử dụng ma túy thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G phối hợp với lực lượng Cảnh sát điều tra thành phố P bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Sơn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, C2, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...”

Bị cáo Lê Sơn T đã tàng trữ 0,9640gam ma túy loại *Methamphetamine*, với mục đích để sử dụng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội, bị cáo T đã coi thường pháp luật, xem thường sức khỏe của chính bản thân; bị cáo cũng nhận thức được khi sử dụng ma túy loại *Methamphetamine* nó là tác nhân gây nguy hại lớn cho sức khỏe của con người khi sử dụng, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình trạng tội phạm, vì vậy phải xử lý nghiêm để ngăn chặn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[3]. Bị cáo T không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, bị cáo từng bị Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử, tuyên phạt 01(một) năm tù về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở thành một công dân tốt cho xã hội.

[4]. Bị cáo T không có tài sản riêng, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Đối với đối tượng tên T1 mà bị cáo T khai đã bán ma túy cho bị cáo, nhưng bị cáo T không biết nhân thân, lai lịch của T1. Cơ quan điều tra đã mở danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo, nhưng không xác định được số điện thoại của T1 và nội dung có liên quan đến việc mua bán chất ma túy; do sau khi liên lạc xong, bị cáo T đã xóa nhật ký. Do đó, chưa có căn cứ để tiến hành điều tra, xử lý; Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[6]. Đối với ông Lê Văn S và bà Trần Thị C (là cha, mẹ của bị cáo T) cùng ở với bị cáo tại căn nhà số C đường N, tổ C, phường P, thành phố P; tuy nhiên khi bị cáo T tàng trữ và sử dụng ma túy tại nhà thì ông S và bà C không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Xử lý vật chứng vụ án đã thu giữ trong quá trình điều tra:

- Mẫu vật hoàn trả sau khi giám định là 01(một) bì công văn ghi số 580/PC09 ngày 14/6/2024 có dấu niêm phong của phòng K Công an tỉnh G, là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, mặt trước màu đen, mặt sau màu vàng cát, đã bị rạn vỡ, kèm thẻ sim bị cáo T đã sử dụng chiếc điện thoại này làm phương tiện liên lạc mua ma túy, đề nghị tịch thu sung công.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Sơn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Sơn T (tên gọi khác: Q) phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 và các Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Sơn T 01(một) năm 08(tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **05/6/2024** bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu sung công: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, mặt trước màu đen, mặt sau màu vàng cát, đã bị rạn vỡ, kèm thẻ sim (mặt sau sim có dãy số 8401-2108-5038-2157) (*điện thoại cũ, đã qua sử dụng THADS không kiểm tra tình trạng bên trong*).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bì công văn ghi số 580/PC09 ngày 14/6/2024 có dấu niêm phong của phòng K Công an tỉnh G

(*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/9/2024 của Cơ quan Công an và Cơ quan Thi hành án Dân Sự thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai*).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Sơn T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

-Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo Lê Sơn T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (30/9/2024) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Công an TP PleiKu;
- Chi cục THA D.S TP Pleiku;
- VKSND TP. PleiKu;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

